

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN GIANG
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2018/HS-ST

Ngày: 09-3-2018

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Vũ Thu Giang
- Các Hội thẩm nhân dân: + Ông Chu Toàn Thắng
+ Ông Nguyễn Văn Tiệp
- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Trịnh Thị Phương
- Đại diện VKSND huyện Văn Giang tham gia phiên tòa: Ông Dương Đức Khiên – Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 3 năm 2018, Tòa án nhân dân huyện Văn Giang mở phiên tòa để xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 07/2018/TLST-HS ngày 08 tháng 2 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2018/HSST-QĐ ngày 26/2/2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Phạm Văn B** – Sinh ngày: 01/6/1992

STQ: Thôn TT, xã BM, huyện KC, tỉnh HY

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

Trình độ học vấn: 06/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do

Bố: Phạm Văn T, sinh năm: 1972, đã chết

Mẹ: Nguyễn Thị Đ, sinh năm: 1976. Nghề nghiệp: Làm ruộng

Bị cáo là con duy nhất trong gia đình

Vợ: Đỗ Thị L, sinh năm: 1994. Nghề nghiệp: Lao động tự do

Có 01 con sinh năm 2012

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo tại ngoại. Theo giấy triệu tập có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại:

- Anh Nguyễn Chí Đ, sinh năm: 1980

- Chị Hoàng Thị L, sinh năm: 1988

Đều trú tại: Thôn PT, xã MS, huyện VG, tỉnh HY

Người tham gia tụng khác:

Người làm chứng:

- Nguyễn Quốc V, sinh năm: 1992

Trú tại: Thôn PT, xã M S, huyện VG, tỉnh HY.

- Trần Thị T, sinh năm: 1997

Trú tại: Khu đô thị BH, xã XL, huyện TT, tỉnh BN.

Tại phiên tòa những người bị hại, những người làm chứng vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ ngày 29/11/2017, Phạm Văn B sinh năm 1992, HKTT: thôn T T, xã BM, huyện K C, tỉnh HY uống bia tại quán nước của gia đình chị Hoàng Thị L sinh năm 1988 ở thôn PT, xã MS, huyện VG. Trong lúc ngồi uống bia, B nghe thấy chị L và chồng là anh Nguyễn Chí Đ sinh năm 1980 nói chuyện với khách trong quán về việc gia đình anh chị bị mất trộm chiếc xe máy nhãn hiệu Airblade, biển số 89K1-072.56. B đã nảy sinh ý định dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tiền của vợ chồng chị L, B bảo vợ chồng chị L tả đặc điểm của chiếc xe để B tìm hộ. Anh Đ tả đặc điểm và ghi biển số xe, số điện thoại của chị L vào tờ hóa đơn đưa cho B, B cầm đi về nhà. Khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày, B quay lại quán bia nói dối chị L là chiếc xe của gia đình chị đang ở huyện TT, tỉnh BN; muốn chuộc xe thì đưa cho B 3.500.000đ, gồm 2.500.000đ tiền chuộc xe và 1.000.000đ thuê phương tiện đi lại. Do tin tưởng B, chị L đưa cho B 3.500.000đ, gồm 07 tờ tiền mệnh giá 500.000đ. B thuê taxi chở đến khu đô thị BH, xã XL, huyện TT, tỉnh BN, thanh toán tiền xe hết 250.000đ. Sau đó đi bộ đến quán Karaoke trong khu đô thị BH, thuê phòng hát karaoke đến khoảng 22 giờ cùng ngày, trả tiền hát hết hơn 800.000đ. B tiếp tục đi bộ đến cửa hàng điện thoại HT Mobile của chị Trần Thị T sinh năm 1997 ở khu đô thị BH, mua chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Microsoft 1090 màu vàng cam với số tiền 900.000đ, mua 01 sim mạng mobifone, số thuê bao: 0904268664 giá 80.000đ và 01 thẻ cào nạp tiền điện thoại giá 50.000đ. Tất cả các khoản chi tiêu trên, B sử dụng từ số tiền chiếm đoạt của vợ chồng chị L, anh Đ; số tiền còn lại, B trả tiền thuê taxi chở từ khu đô thị BH về nhà. Khoảng 6 giờ ngày 30/11/2017, B sử dụng chiếc điện thoại mua tại cửa hàng của chị T gọi đến số máy của chị L nhưng không thấy trả lời, khoảng 11 giờ cùng ngày chị L gọi lại nhưng B không nghe mà nhắn tin cho chị L với nội

dung; xe bị chuyển đi chỗ khác, mấy ngày nữa mới lấy được, tiền chuộc xe là 5.000.000đ. Chị L nhấn lại bảo B ứng trước cho chị L, B trả lời đã ứng trước 3.000.000đ. Khoảng 11 giờ ngày 02/12/2017, B tiếp tục nhắn tin hỏi vay chị L 1.000.000đ, nói dối là để chuộc điện thoại đang cầm cố nhưng mục đích của việc hỏi vay là để chiếm đoạt. Chị L nhấn lại, số tiền này tính vào tiền chuộc xe, B đồng ý và hẹn từ 10 đến 15 ngày nữa sẽ mang xe về cho chị L, chị L bảo B đến nhà nhận tiền. Do nghi ngờ B lừa dối chiếm đoạt tiền của mình, chị L đã trình báo sự việc đến Công an xã MS. Khoảng 15 giờ ngày 02/12/2017, B đến nhà chị L ở thôn PT, xã MS nhận của chị số tiền 1.000.000đ, gồm 02 tờ tiền mệnh giá 500.000đ, việc B nhận tiền có sự chứng kiến của anh Nguyễn Quốc V sinh năm 1992 ở thôn PT, xã MS và anh Đ chồng chị L. Sau khi B nhận tiền của chị L, đã bị lực lượng Công an xã MS mời về UBND xã làm việc. Tại UBND xã MS, B giao nộp số tiền 1.000.000đ và chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Microsoft màu vàng cam, số Imei1: 357145061852804, số Imei2: 357145061852812, bên trong gắn sim mạng mobifone ghi số: 8401/1710/2403/2115/OT. Cùng ngày, Công an xã MS bàn giao vụ việc và vật chứng cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Văn Giang.

Tại bản cáo trạng số 11/CT-VKSVG ngày 07/2/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Giang tỉnh Hưng Yên đã truy tố bị cáo Phạm Văn B về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa hôm nay:

Bị cáo đề nghị xé xữ vắng mặt người bị hại, người làm chứng. thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, công nhận quyết định truy tố và luận tội của Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Giang là đúng.

Người bị hại là vợ chồng chị Hoàng Thị L, anh Nguyễn Chí Đ vắng mặt tại phiên tòa, song tài liệu có trong hồ sơ thể hiện: Do tin lời hứa hẹn của B sẽ chuộc được chiếc xe máy của gia đình bị mất trộm, chị L đã đưa cho B số tiền 4.500.000đ để bị cáo đi chuộc xe nhưng bị cáo không chuộc xe mà chiếm đoạt của chị số tiền này. Cơ quan công an đã trả cho chị 1.000.000 còn 3.500.000đ bị cáo chưa trả, chị L yêu cầu bị cáo B phải trả chị số tiền 3.500.000đ bị cáo đã chiếm đoạt của chị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Giang tham gia phiên tòa có quan điểm xác định sự vắng mặt của người bị hại và người làm chứng tại phiên tòa không ảnh hưởng tới việc xét xử bị cáo và quyền lợi của người bị hại, đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án. Kết thúc phần xét hỏi, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo. Sau khi phân tích, đánh giá các chứng cứ chứng minh tội phạm, phân tích tính nguy hiểm của tội phạm do bị cáo gây ra, hậu quả của hành vi đối với xã hội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Giang đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Phạm Văn B phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

Áp dụng: Khoản 1 Điều 174; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 47; Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 589 Bộ luật dân sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn B từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ bắt thi hành án.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo trả chị Hoàng Thị L 3.500.000đ.

Về vật chứng: Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động Microsoft vỏ nhựa màu vàng cam và 01 sim mobifone.

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra huyện Văn Giang, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Giang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, Quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

Về thủ tục tố tụng tại phiên tòa: Bị cáo và đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Giang đề nghị xét xử vắng mặt người bị hại và người làm chứng trong vụ án, HĐXX thấy rằng: Quá trình điều tra người bị hại, người làm chứng đã có đầy đủ lời khai, thể hiện rõ quan điểm của mình nên việc vắng mặt họ tại phiên tòa không ảnh hưởng đến việc xét xử bị cáo cũng như đối với quyền lợi của họ. Vì vậy HĐXX quyết định xét xử vụ án là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật.

[2]. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa ngày hôm nay phù hợp khách quan với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, của người bị hại, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy HĐXX có đủ căn cứ kết luận: Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 29/11/2017 tại quán bia của gia đình chị Hoàng Thị L ở thôn PT, xã MS, huyện VG, do có ý thức chiếm đoạt tiền của

gia đình chị L, Phạm Văn B đã nói dối với vợ chồng chị L là tìm được chiếc xe máy của gia đình chị L bị mất trộm và bảo vợ chồng chị L đưa cho 3.500.000đ để chuộc xe hộ. Sau khi nhận của chị L 3.500.000đ, B đã đến địa bàn huyện TT, tỉnh BN mua điện thoại di động để sử dụng và tiêu xài hết số tiền trên. Ngày 30/11/2017, B tiếp tục nhắn tin nói dối chị L là tiền chuộc xe tăng lên 5.000.000đ và bảo chị L cho vay 1.000.000đ nhưng tính vào tiền chuộc xe. Đến khoảng 15 giờ ngày 02/12/2017, B nhận của chị L 1.000.000đ, đã bị Công an xã MS mời về trụ sở UBND xã làm việc và thu giữ của B số tiền 1.000.000đ và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Microsoft.

Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ được hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, song bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt của chị L là 4.500.000đ, nên hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Vì vậy Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Giang truy tố bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3]. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác là khách thể được luật hình sự bảo vệ, gây mất lòng tin và ảnh hưởng đến trật tự an xã hội, gây bất bình trong đông đảo quần chúng nhân dân. Do vậy cần phải đưa ra xét xử kịp thời, áp dụng một hình phạt nghiêm khắc tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội bị cáo đã gây ra mới đảm bảo giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung.

Tại thời điểm bị cáo thực hiện hành vi phạm tội Bộ luật hình sự năm 1999 đang có hiệu lực thi hành, tại thời điểm xét xử bị cáo Bộ luật hình sự năm 2015 đang có hiệu lực thi hành nhưng các điều khoản về tội phạm này quy định tại Bộ luật hình sự năm 2015 không có lợi cho bị cáo. Căn cứ theo Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội, khoản 1 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015, HĐXX áp dụng các quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 để xét xử đối với bị cáo.

[4]. Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo chưa có tiền án tiền sự, lần phạm tội này của bị cáo là lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra, truy tố và xét xử, bị cáo đã thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải, số tiền bị cáo chiếm đoạt có giá trị không lớn. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định các các điểm g, h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999.

[5]. Căn cứ vào quy định của Bộ luật hình sự, tính chất, mức độ của hành vi, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo trong vụ án, HĐXX xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Giang là có căn cứ, cần thiết phải áp dụng hình phạt nghiêm khắc là phạt tù cách ly bị cáo

ra khỏi xã hội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tại trại giam mới đủ tác dụng trừng trị, giáo dục riêng đối với bị cáo và làm bài học ngăn ngừa tội phạm chung cho mọi người.

Đối với chị Trần Thị T khi bán điện thoại, sim điện thoại và thẻ nạp tiền điện thoại cho B, chị T không biết B sử dụng tiền do phạm tội mà có để mua nên không có căn cứ xử lý.

[6]. Về hình phạt bổ sung: HĐXX xét thấy bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7]. Về trách nhiệm dân sự: Đối với số tiền 1.000.000đ Bảo giao nộp tại Công an xã MS, ngày 22/1/2018, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Văn Giang đã trả lại chị Hoàng Thị L. Số tiền 3.500.000đ bị cáo chiếm đoạt của chị L và đã tiêu sài cá nhân hết, chị L yêu cầu buộc bị cáo B trả chị số tiền 3.500.000đ yêu cầu của chị là có căn cứ và được chấp nhận.

[8]. Về xử lý vật chứng: 01 chiếc điện thoại di động Microsoft vỏ nhựa màu vàng cam và 01 sim mobifone, bị cáo mua của chị Trần Thị T từ tiền chiếm đoạt của chị Hoàng Thị L rồi sử dụng liên lạc với chị L để chiếm đoạt 1.000.000đ nên cần tịch thu sung ngân sách nhà nước.

[9]. Về án phí: Bị cáo Phạm Văn B phải chịu án phí tiền án phí hình sự sơ thẩm và tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo Phạm Văn B phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

Áp dụng:

Khoản 1 Điều 139; điểm g, h, p khoản 1 Điều 46; Điều 33; Điều 41; Điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội; khoản 1 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015. Điều 106, Điều 135; Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí, Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ; Điều 357; Điều 468, Điều 584; Điều 586 và Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015.

Xử phạt:

Bị cáo Phạm Văn B 01(một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự và vật chứng của vụ án:

Buộc bị cáo Phạm Văn B phải trả chị Hoàng Thị L số tiền 3.500.000đ.

Kể từ khi chị L có đơn yêu cầu thi hành án hợp lệ về khoản tiền bị cáo phải bồi thường trả chị L, nếu bị cáo không thi hành, thì bị cáo sẽ phải chịu lãi suất theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Tịch thu sung ngân sách nhà nước: 01 chiếc điện thoại di động Microsoft vỏ nhựa màu vàng cam đã qua sử dụng, 01 sim mobifone.

Tình trạng, số lượng vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện Văn Giang và Chi cục thi hành án dân sự huyện Văn Giang ngày 08 tháng 2 năm 2018.

3. Về án phí: Buộc bị cáo Phạm Văn B phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng chẵn) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng chẵn) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hưng Yên.
- VKSND huyện Văn Giang.
- Công an huyện Văn Giang.
- UBND xã Bình Minh.
- Chi cục THADS huyện Văn Giang.
- Những người tham gia tố tụng.
- Lưu.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Bùi Vũ Thu Giang